
Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 11 năm 2022
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà

Ông Đinh Ngọc Phú

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 451/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28-10-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 100/QĐST-HNGĐ ngày 17-11-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Việt D, sinh năm 1996. ĐKKHKT và trú tại: số A phố T, khu 3 phường Tân Bình, thành phố Hải Dương;

- Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1997. ĐKKHKT: số A phố T, khu 3 phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Hiện thuê ở trọ tại: số B ngõ C phố V, khu 15 phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương;

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Việt D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn ngày 19-6-2018, đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, sau khi kết hôn sống hạnh phúc 02 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, xích mích trong cuộc sống quá nhiều từ đó tình cảm vợ chồng không còn, bố mẹ hai bên đã động viên, hòa giải rất nhiều nhưng không được, đã sống ly thân hơn một năm nay. Từ khi sống ly thân chúng tôi không còn quan tâm đến nhau, hiện nay chị H đã thuê nhà trọ ở không sống chung tại gia đình chồng. Việc chị H trình bày anh ngoại tình là không đúng. Còn việc chị

H trình bày bản thân gia đình theo đạo công giáo nên không được quyền đồng ý ly hôn vì khi kết hôn chúng tôi có lời thề phải chung sống trọn đời bên nhau, bản thân gia đình anh cũng theo đạo nhưng tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với chị H không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

+ Về con chung: anh và chị Bùi Thị H có 01 con chung: Nguyễn Ánh D, sinh ngày 30/4/2020 hiện đang ở với chị H, sau khi ly hôn anh nhất trí cho chị H tiếp tục nuôi con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh lao động tự do thu nhập không cao nên anh cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H là 2.000.000đ/tháng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh và chị Bùi Thị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Việt D đăng ký kết hôn ngày 19-6-2018 tại UBND phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do khi con được 4 tháng tuổi thì anh D ngoại tình, không chu cấp tiền nuôi con, chăm lo gia đình, chị và anh D hiện không chung sống cùng nhau, chị không còn tình cảm với anh D nhưng do gia đình, bản thân theo đạo công giáo, không được quyền đồng ý ly hôn và phải chung sống bên nhau trọn đời nên chị không đồng ý ly hôn. Anh D làm đơn ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của anh D và theo quy định của pháp luật.

+ Về con chung: Chị và anh Nguyễn Việt D có 01 con chung: Nguyễn Ánh D, sinh ngày 30/4/2020 hiện đang ở với chị, sau khi ly hôn chị tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị là 3.000.000đ/tháng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương phát biểu:

- Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

Áp dụng Điều 51, 56, khoản 3 điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu án, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Việt D, xử anh Nguyễn Việt D ly hôn chị Bùi Thị H.

Về con chung: Giao con chung: Nguyễn Ánh D, sinh ngày 30/4/2020 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh D cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị H là 2.000.000đ/tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh D được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đối với chị Bùi Thị H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Bùi Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Anh Nguyễn Việt D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Việt D, chị Bùi Thị H tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Việt D và chị Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 19-6-2018 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh Nguyễn Việt D và chị Bùi Thị H đều xác định sống hạnh phúc thời gian ngắn và sau đó vợ chồng có mâu thuẫn do trong cuộc sống 2 người không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng về tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn về kinh tế, đã không chung sống cùng nhau từ đầu năm 2022 đến nay. Anh D làm đơn ly hôn, chị H xác định không còn tình cảm với anh D nhưng do gia đình, bản thân theo đạo công giáo, không được quyền đồng ý ly hôn. Như vậy, thể hiện giữa anh D và chị H cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn thương yêu, chăm sóc nhau, không cùng chăm lo gia đình. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị H mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc anh Nguyễn Việt D đề nghị giải quyết ly hôn với chị Bùi Thị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Anh Nguyễn Việt D và chị Bùi Thị H có 01 con chung: Nguyễn Ánh D, sinh ngày 30/4/2020, hiện đang ở với chị H, chị H có nguyện vọng nuôi con chung; quá trình giải quyết vụ án, anh D nhất trí giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng nên cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ánh D, sinh ngày 30/4/2020 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị là 3.000.000đ/tháng, ý kiến của anh D

là cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị H là 2.000.000đ/tháng. Xét thấy: Theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định này thì anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Theo mức lương cơ sở là 1.490.000đồng/tháng, anh D và chị H mỗi người phải cấp dưỡng là ½ tháng lương cơ sở. Căn cứ điều kiện sinh hoạt, nhu cầu thiết yếu cần thiết, thu nhập của mỗi người thì việc chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng là không có căn cứ chấp nhận. Theo ý kiến của anh D, anh cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị H là 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 12/2022 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp, có căn cứ chấp nhận. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập xem xét.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Việt D phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; các Điều 81, 82, 83, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Việt D và chị Bùi Thị H.

Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Việt D và chị Bùi Thị H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Anh Nguyễn Việt D và chị Bùi Thị H có 01 con chung là Nguyễn Ánh D, sinh ngày 30/4/2020.

Giao con chung: Nguyễn Ánh D, sinh ngày 30/4/2020 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh Nguyễn Việt D cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị H số tiền là 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp

nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ khi chị Bùi Thị H có đơn đề nghị thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Nguyễn Việt D chậm trả khoản tiền phải trả thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) đối trừ với số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0001155 ngày 22-8-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, chị H đã thực hiện xong về nghĩa vụ án phí.

Anh Nguyễn Việt D phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Việt D, chị Bùi Thị H (đều vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường Tân Bình, TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu